

Số 1968 /LĐTBXH-ATLĐ

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2008

V/v Điều chỉnh một số chức danh nghề,
công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Kính gửi: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

Trả lời công văn số 2280/CV-LĐTL ngày 3/4/2008 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc ghi tại trích yếu, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1. Điều chỉnh một số chức danh nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm mà Công ty tuyển than Hòn Gai - TKV và Công ty than Hà Lâm - TKV đã xếp và trả lương nhưng ghi sai trong sổ bảo hiểm xã hội. Danh mục điều chỉnh tên nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đính kèm theo công văn này.

2. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo mà Công ty tuyển than Hòn Gai - TKV và Công ty than Hà Lâm -TKV thực hiện theo đúng Danh mục đã được điều chỉnh theo công văn này, đồng thời hướng dẫn các đơn vị thành viên khi ghi sổ bảo hiểm xã hội cần ghi đúng chức danh nghề như Danh mục trong các Quyết định đã được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên (03 bản);
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (02 bản);
- Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ninh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ninh (02 bản);
- Công ty tuyển than Hòn Gai - TKV (02 bản);
- Công ty than Hà Lâm- TKV (02 bản);
- Vụ Bảo hiểm xã hội;
- Vụ Lao động - Tiền lương;
- Lưu: VP, Cục ATLĐ (03 bản).



Bùi Hồng Lĩnh

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH TÊN NGHỀ, CÔNG VIỆC NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM
VÀ ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM CỦA CÔNG TY THAN HÀ LẨM - TKV**
(Kèm theo công văn số 966/LĐTBXH-ATLĐ ngày 05/6/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Tên nghề, công việc đã ghi trong sổ Bảo hiểm xã hội	Lương theo Nghị định 235/HĐBT ngày 18/9/1985	Lương theo NĐ26/CP 23/5/1993	Tên được công nhận của các nghề, công việc nêu tại cột a	Quyết định của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH có quy định nghề, công việc được công nhận tại cột d
	a	b	c	d	e
1	Quản đốc; Quản đốc phân xưởng thông gió; Phó quản đốc; Phó quản đốc công trường hầm lò; Phó quản đốc chỉ đạo kỹ thuật; Phó quản đốc trực tiếp trong lò; Phó quản đốc lò; Phó quản đốc công trường lò; Phó quản đốc cơ điện; Ca trưởng cơ điện; Ca trưởng điện lò; Ca trưởng cơ điện công trường lò; Quyền lò trưởng; Lò trưởng; Lò trưởng chỉ đạo kỹ thuật; Cán bộ quyền lò trưởng; Lò trưởng CT VC28; Lò trưởng CT hầm lò; Lò trưởng CT VC 28; Chủ nhiệm hầm lò; Đội trưởng phân xưởng thông gió.	A3.1	A5	Chỉ đạo sản xuất trực tiếp trong hầm lò	Quyết định số 1152/LĐTBXH-QĐ ngày 18/9/2003
2	Công nhân lò; Công nhân thợ lò; Công nhân chống lò; Công nhân thợ chống lò; Công nhân khai thác; Công nhân khai thác than; Công nhân khai thác than hầm lò; Công nhân khai thác than trong lò; Thợ lò - trung tâm cấp cứu mỏ	A3.1	A5	Khai thác mỏ hầm lò	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
3	Công nhân xe lò; Công nhân vận tải xe lò; Công nhân chân đầu tâng; Chân đầu tâng; Công nhân trục tâng lò; Công nhân vận chuyển thiết bị lò; Công nhân vận hành băng; Công nhân vận hành băng tải; Công nhân vận hành máng cáo; Công nhân vận hành tàu điện; Công nhân vận hành tàu điện lò; Công nhân vận hành tời; công nhân vận hành trục; Công nhân vận hành tời trục; Công nhân vận tải lò; Công nhân vận tải than lò.	A3.1	A5	Vận tải than trong hầm lò	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
4	Công nhân bắn mìn lò; Công nhân thợ bắn mìn lò; Công nhân bắn mìn trong lò; Công nhân khoan nổ mìn.		A5	Nổ mìn trong hầm lò	Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996

5	Công nhân cơ điện lò; Công nhân thợ cơ; Công nhân thợ cơ lò; Công nhân thợ cơ điện lò; Công nhân cơ điện; Công nhân cơ điện lò; Công nhân thợ sắt lò.	A3.1	A1.3	Sửa chữa cơ điện trong hầm lò	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
6	Công nhân xạc đèn; Công nhân xạc đèn lò; Công nhân súc xạc đèn ắc quy; Công nhân sửa chữa đèn; Công nhân sửa chữa đèn lò; Công nhân sửa chữa súc xạc đèn lò; Công nhân sạc và sửa chữa đèn lò; Công nhân sửa chữa, sạc đèn lò; Sạc đèn lò	A1.3	A1.3	Sửa chữa ắc quy	Quyết định số 190/QĐ-BLĐTBXH ngày 03/3/1999
7	Công nhân đo khí; Công nhân đo khí lò; Công nhân kiểm nghiệm than trong lò;	A3.1	A.5	Đo khí, đo gió, trực cửa gió, trắc địa, KCS trong hầm lò	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
8	Cán bộ kiểm tra chất lượng sản phẩm; Công nhân KCS than; Công nhân KCS kiểm nghiệm than; Công nhân kiểm nghiệm than		A4.1	Lấy mẫu, hoá nghiệm phân tích than	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
9	Phó quản đốc; Phó quản đốc Cơ Điện; Phó quản đốc Nhà Sàng; Phó quản đốc phân xưởng; Phó quản đốc phân xưởng San gạt; Quản đốc, Quản đốc công trường khai thác lộ thiên; Ca trưởng phân xưởng; Ca đội trưởng sàng xúc than; Ca trưởng sàng tuyển than; Đội trưởng sản xuất than; Cán bộ ca trưởng chế biến than.	C1.2	A4.1	Chỉ đạo sản xuất trực tiếp khai thác than lộ thiên	Quyết định số 1152/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/9/2003
10	Công nhân vận hành khoan; Công nhân khoan máy; Công nhân máy khoan; Công nhân phụ máy khoan.	A1.11	A4.3	Vận hành máy khoan super, khoan sông đơ, khoan đập cáp trên các mỏ lộ thiên.	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
11	Công nhân vận hành máy xúc; Công nhân phụ máy xúc.	A1.11	A4.2	Lái máy xúc có dung tích gầu dưới 4 m ³	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
12	Công nhân vận hành máy xúc; Công nhân phụ máy xúc.	A1.11	A4.3	Lái máy xúc có dung tích gầu từ 4 m ³ trở lên	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
13	Công nhân lái máy gạt; Công nhân vận hành máy gạt; Công nhân phụ máy gạt.	A1.11	A4.3	Lái máy gạt, ủi công suất từ 180 CV trở lên	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
14	Công nhân lái xe; Công nhân lái xe than đất; Công nhân lái xe tải than; Công nhân lái xe nước.	B7.3; B7.4; B7.5	B15.3	Lái xe vận tải từ 7 tấn đến dưới 20 tấn	Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996
15	Công nhân lái xe; Công nhân lái xe than đất; Công nhân lái xe tải than; Công nhân lái xe Bel la 42 tấn.	B7.5; B7.4; B7.7; B7.8	B15.5; B15.6	Lái xe vận tải, có trọng tải 20 tấn trở lên	Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995

16	Công nhân kiểm tu ô tô; Công nhân sửa chữa ô tô; Công nhân thợ sửa chữa ô tô; Công nhân sửa chữa điện ô tô; Thợ cơ sửa chữa ô tô; Công nhân sửa chữa máy gạt.	A1.12	A1.3	Ngồi sửa chữa xe cơ giới loại từ 10 tấn trở lên và các loại xe chạy bằng bánh xích	Quyết định số 190/QĐ-BLĐTBXH ngày 03/3/1999
17	Công nhân chân đầu tằm; Công nhân sàng tuyển than thủ công; Công nhân lao động phổ thông; Công nhân cuốc xúc than lộ thiên; Công nhân hợp đồng xúc than; Công nhân sàng than; Công nhân sàng tuyển than; Công nhân sàng xúc than; Công nhân xúc than.	A1.2	A4.1	Sàng tuyển thủ công, khai thác than thủ công ở mỏ lộ thiên	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
18	Công nhân rèn; công nhân thợ rèn.	A1.12	A1.3	Rèn thủ công	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
19	Công nhân sửa chữa xe hòm; Công nhân lắp máy sửa chữa; Công nhân lắp máy sửa chữa máy mò.	A1.1	A1.2	Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị khai thác than (khoan, xúc, gạt, ủi...)	Quyết định số 1152/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/9/2003
20	Công nhân cơ điện phân xưởng; Công nhân sửa chữa; Công nhân sửa chữa cơ điện; Công nhân cơ điện mỏ; Công nhân sửa chữa cơ điện mỏ; Công nhân thợ điện; Công nhân thợ sắt; Công nhân thợ tiện; Công nhân cơ điện lộ thiên; Công nhân cơ điện phân xưởng; Công nhân cơ khí	A1.11	A1.3	Sửa chữa cơ điện trên các mỏ lộ thiên	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
21	Công nhân thợ hàn cơ điện phân xưởng	A1.1	A1.2	Hàn điện, hàn hơi	Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996
22	Công nhân nấu ăn; Công nhân nấu ăn công trường.	A1.12	A20.2	Nấu ăn trong các bếp ăn tập thể có từ 100 suất trở lên	Quyết định số 190/QĐ-BLĐTBXH ngày 03/3/1999

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH TÊN NGHỀ, CÔNG VIỆC NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM
VÀ ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM CỦA CÔNG TY TUYỂN THÂN HỒN GAI - TKV**
(Kèm theo công văn số 1968/LĐTĐ-BHXH-ATLĐ ngày 05/16/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Tên nghề, công việc đã ghi trong sổ Bảo hiểm xã hội	Lương theo NĐ 235/HĐBT ngày 18/9/1985	Lương theo NĐ 26/CP ngày 23/5/1993	Tên được công nhận của các nghề, công việc nêu tại cột a	Quyết định của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH có quy định nghề, công việc được công nhận tại cột d
	a	b	c	d	e
1	Công nhân lao động phổ thông; công nhân lao động xúc dọn than sàng; công nhân gia công than cục; công nhân chế biến than; Công nhân lao động phân xưởng sàng tuyển; công nhân sàng nghiền than thủ công; công nhân sàng nghiền than cục; công nhân gia công chế biến than; công nhân lao động chế biến than; công nhân tuyển than thủ công; công nhân lao động nghiền xít; công nhân pha trộn than; công nhân sản xuất than; công nhân nhật than tầng giữa; công nhân xúc dọn băng sàng; công nhân nhật than sàng.	A.1.12	A4.1	Sàng tuyển thủ công, khai thác than thủ công ở mỏ lộ thiên.	Quyết định số 915/LĐTĐ-BHXH-QĐ ngày 30/7/1996
2	Công nhân Vận hành thiết bị sàng tuyển; Công nhân vận hành băng; Công nhân vận hành băng xiên; Công nhân Vận hành sàng lắc; Công nhân vận hành sàng, Công nhân vận hành máy rửa; Công nhân vận hành huyền phù; Công nhân Vận hành bơm; Công nhân vận hành bơm sàng; Công nhân bơm li tâm; vận hành máy lắng; Công nhân vận hành lọc ép; Công nhân Vận hành Máy sàng tuyển; Công nhân vận hành và bơm mỡ; Công nhân vận hành kéo tụ; vận hành sàng sơ bộ; Công nhân vận hành sàng trung gian; Công nhân vận hành sàng 5 lưới; Công nhân vận hành cấp liệu; Công nhân vận hành bơm tăng áp; Công nhân vận hành gầu đá; Công nhân vận hành cang hòn gai; Công nhân vận hành máy than luyện phân xưởng than luyện; công nhân vận hành sàng trung tâm; Công nhân Vận hành tời; Công nhân vận hành băng tời; Công nhân kéo dây tời điện; Công nhân kéo dây tời.	A1.11; A1.12	A4.2	Vận hành băng tải, máy nghiền, sàng than, đá; chộc máng than, chộc máng quang lộ điện, tời gầu sàng.	Quyết định số 915/LĐTĐ-BHXH-QĐ ngày 30/7/1996
3	Tài xế TY; Vận hành đầu máy TY; Tài xế hơi nước; VH đầu máy hơi nước; phụ 1 TY ; phụ 2 TY; Phụ 1 đầu máy hơi nước; Phụ 2 đầu máy hơi nước; đốt lửa chạy díp; đốt lửa đầu máy hơi nước; phụ lửa xe hoả; đốt lửa	B6	B13.1	Lái, phụ lái đầu máy xe lửa chở than	Quyết định số 915/LĐTĐ-BHXH-QĐ ngày 30/7/1996

	xe hoá; Công nhân phụ đốt lửa nổi hơi				
4	Công nhân chân trực; Công nhân Móc cáp chân trực; Công nhân móc cáp; Công nhân móc xích; Công nhân lao động chân trực; Công nhân móc gáo.	A1.12	A4.1	Phụ cấu móc cáp	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
5	Công nhân Bán xe nặng găm sàng; Công nhân kéo trang găm sàng; Công nhân chuyển ở găm sàng; Công nhân chèn cân đường sắt	A1.12	A4.1	Bẩy xe, chèn xe trong găm nhà máy sàng tuyển	Quyết định số 1152/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/9/2003
6	Công nhân Vận hành poóc tích; Công nhân Vận hành cầu poóc tích; Công nhân vận hành trục đổ; Công nhân vận hành cầu thấp; Công nhân VH máy trục; Công nhân VH trục điện; Công nhân VH Cầu DEK; Công nhân VH cầu K162; Công nhân lái cầu điện; Công nhân vận hành thiết bị nâng tải; Công nhân Vận hành trục hơi; công nhân vận hành cầu KKC	A1.11	A4.2	Vận hành cầu poóc - tích, máy bốc rót than nhà máy sàng tuyển than.	Quyết định số 1152/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/9/2003
7	Công nhân đóng tay khoá; công nhân cứu cạm; công nhân cầu cạm; công nhân đỡ tải xe 30 tấn; Công nhân đỡ tải xe tấn; Công nhân đóng cửa xe 30 tấn; Công nhân đóng chốt xe 30 tấn; Công nhân đổ xe than 30 tấn; Công nhân chọc thùng; Công nhân mở máng bằng đá sàng; Công nhân đổ xe xít thủ công; Công nhân chọc máng xe 30 tấn; Công nhân chèn máng than; Công nhân đập bom ke; Công nhân lên thùng đổ; Công nhân tháo sản phẩm; Công nhân lên thùng trục đổ; Công nhân lao động mở máng than; Công nhân chèn máng sàng.	A1.12	A 4.1	Đỡ tải than (chọc than, đổ than, mở máng than...) trong nhà máy sàng tuyển than.	Quyết định số 1152/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/9/2003
8	Công nhân chাম đầu máy than luyen; Công nhân chам đầu máng than	A1.12	A 4.1	Thay mỡ bơm dầu ở trục các thiết bị nhà máy sàng tuyển than.	Quyết định số 1152/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/9/2003
9	Công nhân gia công mẫu; Công nhân kiểm nghiệm than; Công nhân lấy mẫu; Công nhân phân tích than.	A1.12	A 4.1	Lấy mẫu, hoá nghiệm phân tích than	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
10	Công nhân vận hành máy gạt; Công nhân lái máy gạt; Công nhân lái máy ủi; Công nhân xúc gạt liên hợp	A1.11	A 4.3	Lái máy gạt ủi có công suất từ 180 CV trở lên	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
11	Công nhân vận hành máy xúc; Công nhân lái máy xúc VOLVO; Công nhân vận hành máy xúc lật; Công nhân lái máy xúc SUMITOMO; công nhân vận hành máy xúc D530.	A1.11	A 4.2	Lái máy xúc dung tích gầu dưới 4m ³	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
12	Công nhân Sửa chữa máy xúc gạt; Công nhân sửa chữa	A1.1	A1.III	Sửa chữa, bảo dưỡng	Quyết định số

	đầu máy diesel; công nhân sửa chữa xúc gạt; thợ sửa chữa xúc gạt.			các thiết bị khai thác than (khoan, xúc, gạt, ủi...)	1152/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/9/2003
13	Công nhân Sửa chữa ô tô; Công nhân sửa chữa ô tô đội xe; công nhân thợ nguội sửa chữa ô tô.	A1.1	A1.III	Ngươi sửa chữa xe cơ giới loại từ 10 tấn trở lên, và các loại xe chạy bằng bánh xích.	Quyết định số 190/QĐ-LĐTBXH- ngày 3/03/1999
14	Công nhân trực ban ga; công nhân điều độ ga; công nhân nhà ga; Công nhân phụ trực ban ga.	B5.II.3.,4	B13. II. 1 B13. II.2	Trực ban ga, điều độ, chạy tàu ở các ga	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
15	Công nhân gác chân; công nhân gác ghi; Công nhân vận hành ghi; Công nhân bê ghi; Công nhân quay ghi.	B5.II.7	B13. II.4 B13. II.5	Công nhân gác chân đường ngang cấp 1, gác chân cầu chung.	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
16	Công nhân dồn xe; Công nhân dồn dịch; Công nhân dồn than trung tâm chỉ huy sản xuất; Công nhân trưởng dồn; Công nhân công nhân dồn than.	B5.II. 5; B5.II.6; B5.II.7	B13. II. 3	Trưởng dồn, móc nối dẫn máng ở các ga lập tàu	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
17	Công nhân rèn dụng cụ đường sắt; Công nhân thợ rèn phụ kiện đường sắt; Công nhân thợ rèn phần xương toa xe; Công nhân thợ rèn phần xương cơ điện.	A1.11	A1.3	Rèn thủ công	Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996
18	Công nhân sửa chữa điện; Công nhân thợ sửa chữa điện; Công nhân sửa chữa điện sàng; Công nhân thợ nguội; Công nhân thợ sửa chữa nguội; Công nhân thợ sửa chữa cơ; Công nhân thợ gò hàn; Công nhân sửa chữa bơm; Công nhân thợ rèn; công nhân thợ đúc; Công nhân thợ cơ nỏ; Công nhân nguội sửa chữa điện công trường; Công nhân sửa chữa thiết bị sàng; Công nhân sửa chữa các thiết bị trong nhà máy tuyển.	A1.1	A1.3	Sửa chữa cơ điện trong nhà máy sàng tuyển than	Quyết định số 1152/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/9/2003
19	Công nhân sửa chữa điện TY; Công nhân sửa chữa điện đầu máy TY; Công nhân thợ điện; Công nhân thợ gò sắt; Công nhân thợ sửa chữa đầu máy hơi nước; Công nhân thợ nguội sửa chữa toa xe; Công nhân kiểm tra toa xe; Công nhân làm đầu toa xe; Công nhân tiện vành bánh xe lửa chở than.	A1.11	A1.3	Ngươi sửa chữa đầu máy, toa xe lửa; khám, chữa toa xe lửa	Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995
20	Công nhân sửa chữa đường sắt; Công nhân lao động phổ thông đường sắt; Công nhân lao động đường sắt; Công nhân sửa chữa bảo dưỡng duy tu đường sắt; Công nhân lao động sửa chữa duy tu đường sắt; Công nhân gia công phục hồi đường sắt; Công nhân kỹ thuật đường sắt; Công nhân tuân đường Phần xương đường	A1.8	A.6.1; A6.2	Sửa chữa, bảo dưỡng, duy tu cầu, đường sắt	Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995

	sắt; Công nhân cầu đường.				
21	Công nhân lái xe; Công nhân lái xe tải; Công nhân lái xe Kamax; Công nhân lái xe vận tải từ 5 tấn đến dưới 20 tấn; Công nhân lái xe ô tô tải C; công nhân lái xe tải 7, 5 tấn chở than xít; Công nhân vận hành ô tô tải.	B7.4; B7.5	B15.3; B15.4	Lái xe vận tải từ 7 tấn đến dưới 20 tấn	Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996
22	Công nhân tài xế xe ca; Công nhân lái xe ô tô chở người;	B8.5	B15.3; B15.4	Lái xe ô tô khách từ 40 ghế đến dưới 80 ghế	Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996
23	Công nhân kỹ thuật nấu ăn; nấu ăn nhà ăn công nghiệp; Công nhân nấu ăn văn phòng giám đốc; Công nhân nấu ăn ngành đời sống; công nhân nấu ăn 3 ca văn phòng giám đốc.	A2.4	A20.2	Nấu ăn trong các bếp ăn tập thể có từ 100 suất ăn trở lên	Quyết định số 190/1999/QĐ-BLĐTBXH ngày 03/3/1999
24	Công nhân xúc vận chuyển than vàng; Công nhân bốc xếp than luyện; Công nhân đun xe than luyện; công nhân sản xuất than quả bàng; công nhân bốc than luyện; công nhân pha trộn than.	A1.12	A.4.1	Bốc xếp, vận chuyển than đen thủ công	Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996